

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ 3F
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ 3F

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: COFFEE 3F TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109236853

3. Ngày thành lập: 23/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Nhà B4, ngõ 33 phố Đốc Ngừ, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết : - Bán buôn cà phê - Bán buôn chè - Bán buôn thực phẩm khác	4632(Chính)
2.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết : - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất các loại trà được thảo	1079
3.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán rượu, bia, quầy bar)	5630
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết : Bán lẻ thực phẩm khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh như: cà phê bột, cà phê hoà tan, chè...	4722
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;	4659
8.	Quảng cáo	7310

9.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
11.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
12.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
13.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
14.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
15.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
16.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hoá	4610
17.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
18.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô - Vận tải hành khách đường bộ khác chưa được phân vào đâu.	4932
19.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
20.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (không bao gồm hoạt động động kinh doanh bất động sản)	5210
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
22.	Bốc xếp hàng hóa	5224
23.	Xây dựng nhà để ở	4101
24.	Xây dựng nhà không để ở	4102
25.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
26.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
27.	Xây dựng công trình điện	4221
28.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
29.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
30.	Xây dựng công trình thủy	4291
31.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
32.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng Loại trừ: Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng.	4312
35.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

36.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
37.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
38.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
39.	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa thiết bị sử dụng năng lượng điện, mặt trời (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3312
40.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3313
41.	Sửa chữa thiết bị điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3314
42.	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng động cơ gió, pin mặt trời (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3319
43.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt thiết bị sử dụng năng lượng mặt trời; lắp đặt động cơ gió, pin năng lượng mặt trời (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	3320
44.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
45.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VIỆT ANH	Số 30 ngõ 70 Thái Hà, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	68.000	680.000.000	10,000	001077000376	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	68.000	680.000.000	10,000		
2	NGUYỄN NAM KHÁNH	Số 6 Ngách 2/36 Lương Đình Cửa, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	102.000	1.020.000.000	15,000	001082028663	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	102.000	1.020.000.000	15,000		

3	LÊ MINH TIẾN DŨNG	Số 50 Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	340.000	3.400.000.000	50,000	0010770068 93
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	340.000	3.400.000.000	50,000	
4	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG	Nhà 6/2, 36 Lương Đình Cửa, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.000	1.700.000.000	25,000	0361770015 60
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	170.000	1.700.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MINH TIẾN DŨNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/03/1977

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001077006893

Ngày cấp: 07/09/2015

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 50 Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 50 Hàng Bài, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội